

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2018

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	6-7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị; dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 180.000.000.000 VND

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2018: 180.000.000.000 VND

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông	: Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Trần Lâm	Thành viên
Ông	: Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông	: Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông	: Nim Vuồn Phu	Thành viên

Ban Giám đốc Công ty gồm:

Ông	: Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông	: Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà	: Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát gồm:

Bà	: Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà	: Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà	: Lê Thị Thương Thương	Thành viên

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;



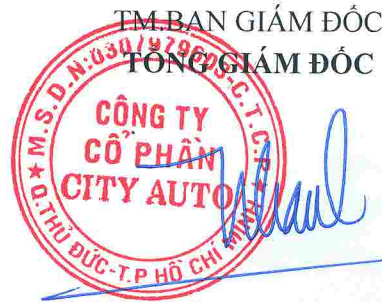
CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2018



TRẦN TRUNG CHÁNH

Số: 524./BCSX/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2018, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 07 tháng 8 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc





LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		261.740.020.875	383.444.574.864
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	9.826.481.342	5.470.427.708
1. Tiền	111		9.826.481.342	5.470.427.708
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		167.009.748.325	229.712.367.179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	44.214.557.500	95.078.605.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		926.779.494	526.264.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	121.483.448.984	133.722.535.371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.04	384.962.347	384.962.347
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	83.114.424.437	144.072.437.458
1. Hàng tồn kho	141		83.341.141.425	144.299.154.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.716.988)	(226.716.988)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.789.366.771	4.189.342.519
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	1.586.651.970	2.414.393.310
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	202.714.801	1.774.949.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. Tài sản dài hạn	200		186.603.431.714	184.502.162.150
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		32.110.675.499	32.110.675.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	32.110.675.499	32.110.675.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		101.496.484.174	99.277.242.246
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.330.335.801	15.098.032.623
- Nguyên giá	222		29.136.760.297	25.719.880.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.806.424.496)	(10.621.847.435)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	84.166.148.373	84.179.209.623
- Nguyên giá	228		84.464.059.623	84.464.059.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(297.911.250)	(284.850.000)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		552.230.490	860.042.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		552.230.490	860.042.273
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		51.500.000.000	51.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	51.500.000.000	51.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		944.041.551	754.202.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	944.041.551	754.202.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		448.343.452.589	567.946.737.014


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

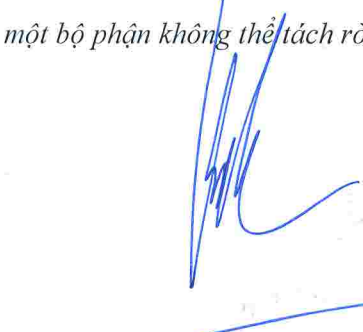
Ngày 30 tháng 6 năm 2018


Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		250.039.607.191	357.701.435.413
I. Nợ ngắn hạn	310		250.039.607.191	357.701.435.413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.748.059.836	19.043.004.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.320.688.134	7.171.432.528
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	646.565.896	953.752.470
4. Phải trả người lao động	314		2.921.113.037	2.705.034.633
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.198.863.469	2.140.755.196
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	26.035.770.306	6.800.245.752
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	187.200.984.199	316.802.742.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.967.562.314	2.084.467.488
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	198.303.845.398	210.245.301.601
I. Vốn chủ sở hữu	410		198.303.845.398	210.245.301.601
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.552.481.800	4.897.892.148
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.751.363.598	25.347.409.453
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.365.524.975	(1.198.487.064)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.385.838.623	26.545.896.517
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448.343.452.589	567.946.737.014

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


 Võ Chí Tâm
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 7 năm 2018


 Lê Thị Phú
 Giám đốc tài chính


 Trần Trung Chánh
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		823.078.780.681	1.069.381.270.487
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.272.727.273	11.266.836.363
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	820.806.053.408	1.058.114.434.124
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	765.776.614.163	1.010.852.853.316
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.029.439.245	47.261.580.808
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.320.544.931	5.328.420
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	7.145.910.631	7.126.248.283
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.145.910.631	7.126.248.283
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	36.748.380.138	37.118.162.006
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	15.090.768.815	14.115.323.128
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.635.075.408)	(11.092.824.189)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	11.458.864.541	15.347.507.409
12.	Chi phí khác	32	VI.08	1.145.626.214	735.154.944
13.	Lợi nhuận khác	40		10.313.238.327	14.612.352.465
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.678.162.919	3.519.528.276
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	292.324.296	441.108.758
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1.639.083.636)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.385.838.623	4.717.503.154

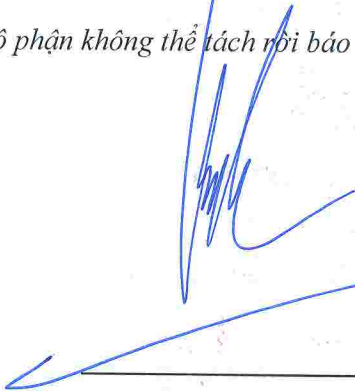
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	7.678.162.919	3.519.528.276
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.705.230.833	1.708.703.609
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.072.522.158	583.770.111
Chi phí lãi vay	06	7.145.910.631	7.126.248.283
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	17.601.826.541	12.938.250.279
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	58.919.573.920	(32.323.126.763)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	60.958.013.021	3.332.276.289
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.453.010.156	8.533.601.654
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	637.901.921	26.297.833
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.145.910.631)	(7.126.248.283)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(688.498.799)	(2.042.260.446)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(444.200.000)	(34.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	133.291.716.129	(16.545.209.437)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.061.323.001)	(4.614.796.445)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	1.363.636.364	2.463.636.363
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.363.782.843	5.328.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	666.096.206	(2.145.831.662)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	567.519.637.449	911.350.309.750
Tiền trả nợ gốc vay	34	(697.121.396.150)	(890.737.639.376)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(129.601.758.701)	20.612.670.374
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.356.053.634	1.921.629.275
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.470.427.708	4.772.989.939
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.826.481.342	6.694.619.214

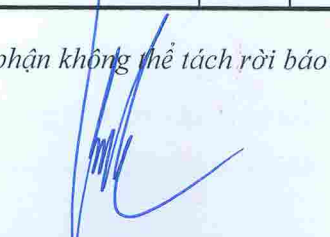
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Võ Chí Tâm

Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú

Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2018

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ cứu hộ cứu nạn;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2018, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

“đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.



8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
Tiền mặt		673.838.363	1.612.297.358
Tiền gửi ngân hàng		9.152.642.979	3.858.130.350
Cộng		9.826.481.342	5.470.427.708
2. Phải thu của khách hàng		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn			
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)		37.110.417.325	88.133.849.543
- Phải thu các Bên liên quan			
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ		285.706.832	126.322.558
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang		6.818.433.343	6.818.433.343
Cộng		44.214.557.500	95.078.605.444
3. Phải thu khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn			
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam		5.838.764.325	16.983.690.870
- Phải thu khác từ Công ty TNHH SX XD TM Hưng Nhân		1.421.636.364	1.421.636.364
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân		1.850.000.000	1.150.000.000
- Phải thu khác các Bên liên quan			
+ Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang		1.870.153.959	1.878.726.578
+ Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ		1.313.051.318	5.356.289.230
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (*)		106.029.776.599	104.982.458.922
- Các khoản tạm ứng		465.156.005	484.512.144
- Ký quỹ ngắn hạn khác		68.364.560	81.514.560
- Các khoản phải thu khác		2.626.545.854	1.383.706.703
Cộng		121.483.448.984	133.722.535.371
b) Dài hạn			
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô		28.034.102.400	28.034.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác		4.076.573.099	4.076.573.099
Cộng		32.110.675.499	32.110.675.499

(*) Khoản cho Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô mượn tiền theo Biên bản thỏa thuận mượn và cho mượn tiền theo từng thời điểm số 01/2018 ngày 02/01/2018.

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Tạm ứng ở CN Bà Rịa	10.843.655	-	10.843.655	-
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	48.669.790	-	48.669.790	-
- Hàng tồn kho ở kho Nha Trang	325.448.902	-	325.448.902	-
Cộng	384.962.347	-	384.962.347	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	4.188.303	-	3.089.155	-
- Chi phí sản xuất dở dang	1.012.097.644	-	1.587.409.243	-
- Hàng hóa (5.1)	82.324.855.478	(226.716.988)	142.708.656.048	(226.716.988)
Cộng	83.341.141.425	(226.716.988)	144.299.154.446	(226.716.988)

(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe mới các loại	60.679.519.191	120.563.582.792
Xe cũ các loại	531.818.182	1.401.645.409
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	13.119.138.398	13.938.507.221
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	2.577.824.523	2.214.529.908
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	5.416.555.184	4.590.390.718
Cộng	82.324.855.478	142.708.656.048

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	6 tháng đầu năm 2018
- Trích lập dự phòng	(226.716.988)
- Hoàn nhập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(226.716.988)

6. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.395.102	719.809.589
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	416.979.233	600.788.676
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.031.277.635	1.093.795.045
Cộng	1.586.651.970	2.414.393.310

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	633.777.634	478.026.158
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	310.263.917	276.175.974
Cộng	944.041.551	754.202.132

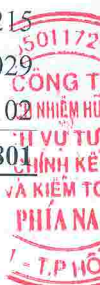
CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	-	-	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	5.838.477.868	1.159.444.000	-	6.997.921.868
Phương tiện vận tải	10.843.749.262	5.176.990.784	2.952.254.545	13.068.485.501
Thiết bị, dụng cụ quản lý	497.964.472	32.700.000	-	530.664.472
Cộng	25.719.880.058	6.369.134.784	2.952.254.545	29.136.760.297
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.116.804.189	314.164.812	-	6.430.969.001
Máy móc, thiết bị	2.530.025.978	458.691.675	-	2.988.717.653
Phương tiện vận tải	1.592.570.948	895.619.046	507.592.522	1.980.597.472
Thiết bị, dụng cụ quản lý	382.446.320	23.694.050	-	406.140.370
Cộng	10.621.847.435	1.692.169.583	507.592.522	11.806.424.496
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.422.884.267			2.108.719.455
Máy móc, thiết bị	3.308.451.890			4.009.204.215
Phương tiện vận tải	9.251.178.314			11.087.888.029
Thiết bị, dụng cụ quản lý	115.518.152			124.524.102
Cộng	15.098.032.623			17.330.335.801

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.247.058.013 đồng.



8. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	441.585.000	-	-	441.585.000
Cộng	84.464.059.623	-	-	84.464.059.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	284.850.000	13.061.250	-	297.911.250
Cộng	284.850.000	13.061.250	-	297.911.250
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	156.735.000			143.673.750
Cộng	84.179.209.623			84.166.148.373

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty con	51.500.000.000	51.500.000.000	-	51.500.000.000	51.500.000.000	-
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000	-	51.500.000.000	51.500.000.000	-

Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo GCN ĐKKD	Tỷ lệ vốn góp theo thực tế	Giá trị vốn góp đến cuối kỳ này
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	97%	97%	35.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	55%	55%	16.500.000.000
Cộng			51.500.000.000

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	8.379.142.779	8.379.142.779	7.224.517.962	7.224.517.962
- Công ty TNHH Minh Long	9.099.468.726	9.099.468.726	6.559.124.805	6.559.124.805
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TB Tân Thành Đô	551.930.000	551.930.000	-	-
+ Công ty CP ô tô Phú Mỹ	139.541.655	139.541.655	15.874.177	15.874.177
+ Công ty CP ô tô Nha Trang	147.371.527	147.371.527	2.325.072.133	2.325.072.133
- Các đối tượng khác	2.430.605.149	2.430.605.149	2.918.415.369	2.918.415.369
Cộng	20.748.059.836	20.748.059.836	19.043.004.446	19.043.004.446

11. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT phải nộp	43.859.038	83.196.428.233	83.057.033.972	183.253.299
- Thuế TNDN	688.498.799	292.324.296	688.498.799	292.324.296
- Thuế TNCN	221.394.633	1.085.274.987	1.135.681.319	170.988.301
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	953.752.470	84.579.027.516	84.886.214.090	646.565.896
b) Phải thu				
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.774.949.209	371.048.921	1.943.283.329	202.714.801
Cộng	1.774.949.209	371.048.921	1.943.283.329	202.714.801

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	502.346.715	610.828.865
- Trích trước chi phí thuê ngoài gia công	-	831.178.000
- Chi phí phải trả khác	696.516.754	698.748.331
Cộng	1.198.863.469	2.140.755.196

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

13. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	348.333.577	206.789.498
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Bà Rịa	25.734.767	25.734.767
- Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	1.900.103.179	1.843.769.280
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	3.750.752.441	2.715.895.641
- Phải trả cổ tức	18.004.700.000	4.700.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	421.992.960	133.925.050
- Các khoản phải trả khác	1.584.153.382	1.869.431.516
Cộng	26.035.770.306	6.800.245.752

14. Vay và nợ thuê tài chính

Ngắn hạn	Số đầu năm	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ			Giá trị/Số có khả năng trả nợ
- NH Ngoại thương (14.1)	119.832.284.000	258.910.481.994	274.420.144.000	104.322.621.994
- NH Xuất nhập khẩu (14.2)	22.906.412.000	66.290.204.000	81.013.384.000	8.183.232.000
- NH Bảo Việt (14.3)	83.428.977.400	134.559.224.000	167.564.093.400	50.424.108.000
- NH Quân đội (14.4)	56.542.926.500	107.759.727.455	140.031.631.750	24.271.022.205
- NH Quốc tế	34.092.143.000	-	34.092.143.000	-
Cộng	316.802.742.900	567.519.637.449	697.121.396.150	187.200.984.199

(14.1) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam** - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 và phụ lục số 01 ngày 11/5/2018 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 04/8/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(14.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam** - chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 1007-LAV-201701434 ngày 22/12/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 187/EIB.HB-KHDN/TC/2017 ngày 22/12/2017 và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

(14.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt** - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng số 0521/2016/HĐTD1/BVB03 ngày 27/9/2016 và phụ lục số 591/2017/TB-BVB.HCM ngày 26/10/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục; bao gồm:

- Hàng hóa (xe ô tô nhãn hiệu Ford) hình thành từ vốn vay, trên cơ sở các đơn đặt hàng hoặc Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Ford Việt Nam;
- Hàng hóa tồn kho mới 100% (xe ô tô nhãn hiệu Ford), có thời gian lưu kho không quá 12 tháng từ ngày Công ty TNHH Ford Việt Nam xuất bán đến ngày Ngân hàng Bảo Việt nhận làm tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(14.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quân đội** theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 và phụ lục số 10093.17.110.2711499.TD.PL01 ngày 11/6/2018 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh; bao gồm:

- Hàng hóa là lô xe mới 100% hình thành từ phương án MB tài trợ;
- Hàng hóa là lô xe hiện hữu thuộc sở hữu của bên đi vay;
- Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ Bất động sản theo quy định.

15. Quỹ khen thưởng phúc lợi	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Số dư đầu năm	2.084.467.488	1.020.517.198
Tăng do trích quỹ	1.327.294.826	-
Giảm do chi quỹ	(444.200.000)	(34.000.000)
Tăng/(giảm) khác	-	150.000.000
Số dư cuối kỳ	2.967.562.314	1.136.517.198

16. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	2.727.191.566	-	-	2.727.191.566
- LNST chưa phân phối	20.057.563.808	4.717.503.154	-	24.775.066.962
Cộng	202.784.755.374	4.717.503.154	-	207.502.258.528

	01/01/2018	Tăng	Giảm	30/6/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.897.892.148	2.654.589.652	-	7.552.481.800
- LNST chưa phân phối	25.347.409.453	7.385.838.623	21.981.884.478	10.751.363.598
Cộng	210.245.301.601	10.040.428.275	21.981.884.478	198.303.845.398

b) **Lợi nhuận chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	25.347.409.453	20.057.563.808
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	7.385.838.623	4.717.503.154
- Chia cổ tức	(18.000.000.000)	-
- Trích quỹ Đầu tư và phát triển	(2.654.589.652)	-
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	(1.327.294.826)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	10.751.363.598	24.775.066.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	18.000.000 18.000.000	18.000.000 18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) + Cổ phiếu phổ thông	- -	- -
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	18.000.000 18.000.000	18.000.000 18.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	761.370.945.074	1.016.006.114.538
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.707.835.607	53.375.155.949
Cộng	823.078.780.681	1.069.381.270.487
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	2.272.727.273	11.266.836.363
Cộng doanh thu thuần	820.806.053.408	1.058.114.434.124
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	748.998.280.211	998.034.506.367
Doanh thu bán phụ tùng	10.099.937.590	6.704.771.808
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.588.146.001	52.171.611.433
Doanh thu khác	1.119.689.606	1.203.544.516
Cộng	820.806.053.408	1.058.114.434.124
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	54.861.834.502	13.442.730.900
- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	3.773.886.182	3.911.832.797
- Công ty CP Ô tô Nha Trang	2.840.358	2.347.627.228
Cộng	58.638.561.042	19.702.190.925

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	725.269.676.474	975.627.949.020
- Giá vốn hàng hóa đã bán	6.347.571.271	4.862.009.134
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	34.159.366.418	30.362.895.162
Cộng	765.776.614.163	1.010.852.853.316
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	8.503.501	5.328.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.312.041.430	-
Cộng	1.320.544.931	5.328.420
4. Chi phí hoạt động tài chính		
- Chi phí lãi vay	7.145.910.631	7.126.248.283
Cộng	7.145.910.631	7.126.248.283
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	17.372.226.724	15.302.202.597
- Chi phí khấu hao TSCĐ	815.797.203	778.016.274
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.829.901.879	3.486.537.967
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	10.376.783.832	15.813.929.447
- Chi phí bằng tiền khác	5.353.670.500	1.737.475.721
Cộng	36.748.380.138	37.118.162.006
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	5.350.567.399	4.699.612.237
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	334.183.789	279.435.230
- Chi phí khấu hao TSCĐ	875.933.633	930.687.335
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.232.564.664	7.228.689.254
- Chi phí bằng tiền khác	1.297.519.330	976.899.072
Cộng	15.090.768.815	14.115.323.128
7. Thu nhập khác		
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	7.069.782.658	15.150.200.632
- Hỗ trợ chi phí hoạt động	4.195.457.817	-
- Thu nhập khác	193.624.066	197.306.777
Cộng	11.458.864.541	15.347.507.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
8. Chi phí khác		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	1.081.025.659	589.098.531
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	15.422.373	8.556.413
- Chi phí khác	49.178.182	137.500.000
Cộng	1.145.626.214	735.154.944
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.678.162.919	3.519.528.276
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(4.904.500.005)	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.312.041.430)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.461.621.484	3.519.528.276
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	292.324.296	703.905.655
Thuế TNDN phải nộp bổ sung/(hoàn nhập) kỳ trước	-	(262.796.897)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	292.324.296	441.108.758
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	765.776.614.163	1.010.852.853.316
- Chi phí nhân công	22.722.794.123	20.001.814.834
- Chi phí khấu hao	1.705.230.833	1.708.703.609
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.062.466.543	10.715.227.221
- Chi phí khác	17.348.657.454	18.807.739.470
Cộng	817.615.763.116	1.062.086.338.450

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô
 Công ty CP ô tô Phú Mỹ
 Công ty CP ô tô Nha Trang
 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Công ty con
 Công ty con
 Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	54.861.834.502
		Mua hàng hóa	55.239.240.902
		Nhận cung cấp dịch vụ	6.016.000.976
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa	3.773.886.182
		Mua hàng hóa	3.673.438.533
		Thu tiền cổ tức	5.355.279.342
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa	2.840.358
		Mua hàng hóa	8.508.279
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	1.851.191.000

c/ Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Phải thu	106.029.776.599
		Phải thu ký quỹ	28.034.102.400
		Phải trả	(551.930.000)
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu	1.598.758.150
		Phải trả	(139.541.655)
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu	8.688.587.302
		Phải trả	(147.371.527)

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2018

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	748.998.280.211	61.707.835.607	10.099.937.590	820.806.053.408
2. Giá vốn hàng bán	725.269.676.474	34.159.366.418	6.347.571.271	765.776.614.163
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	23.728.603.737	27.548.469.189	3.752.366.319	55.029.439.245
4. Tài sản bộ phận	61.211.337.373	1.012.097.644	21.117.706.408	83.341.141.425
5. Tài sản không phân bổ				365.002.311.164
Tổng tài sản				448.343.452.589
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				250.039.607.191
Tổng nợ phải trả				250.039.607.191

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	998.034.506.367	53.375.155.949	6.704.771.808	1.058.114.434.124
2. Giá vốn hàng bán	975.627.949.020	30.362.895.162	4.862.009.134	1.010.852.853.316
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	22.406.557.347	23.012.260.787	1.842.762.674	47.261.580.808
4. Tài sản bộ phận	119.225.741.899	1.156.642.140	20.373.011.150	140.755.395.189
5. Tài sản không phân bổ				363.225.473.053
Tổng tài sản				503.980.868.242
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				296.478.609.714
Tổng nợ phải trả				296.478.609.714

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	9.826.481.342	5.470.427.708	9.826.481.342	5.470.427.708
Phải thu khách hàng	44.214.557.500	95.078.605.444	44.214.557.500	95.078.605.444
Trả trước cho người bán	926.779.494	526.264.017	926.779.494	526.264.017
Phải thu khác	153.594.124.483	165.833.210.870	153.594.124.483	165.833.210.870
Cộng	208.561.942.819	266.908.508.039	208.561.942.819	266.908.508.039

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	20.748.059.836	19.043.004.446	20.748.059.836	19.043.004.446
Người mua trả tiền trước	8.320.688.134	7.171.432.528	8.320.688.134	7.171.432.528
Vay ngắn và dài hạn	187.200.984.199	316.802.742.900	187.200.984.199	316.802.742.900
Phải trả người lao động	2.921.113.037	2.705.034.633	2.921.113.037	2.705.034.633
Chi phí phải trả	1.198.863.469	2.140.755.196	1.198.863.469	2.140.755.196
Các khoản phải trả khác	26.035.770.306	6.800.245.752	26.035.770.306	6.800.245.752
Cộng	246.425.478.981	354.663.215.455	246.425.478.981	354.663.215.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

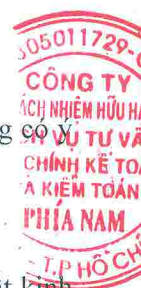
Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản để hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng hóa cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 14 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Các khoản đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	51.500.000.000	-	-	51.500.000.000	
Cộng	51.500.000.000	-	-	51.500.000.000	

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

4. Số liệu so sánh

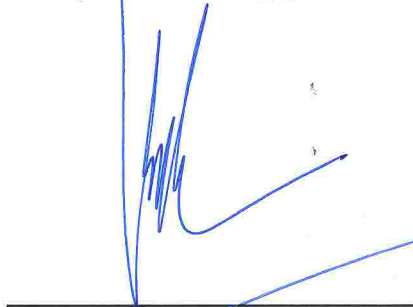
Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017. Số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ trước lấy từ báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2017.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc